

BỘ CHỈ SỐ
NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
DDCI ĐỒNG NAI NĂM 2024

*(ban hành kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

BỘ CHỈ SỐ DDCI KHỐI ĐỊA PHƯƠNG 2024

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
1	Tiếp cận minh bạch thông tin và chuyển đổi số	A1-A7	7
1.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tính công khai và mức độ thuận lợi khi tiếp cận thông tin liên quan thủ tục hành chính và các công tác của địa phương	A1	1
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá nhận được thông tin, văn bản mà doanh nghiệp cần khi yêu cầu chính quyền địa phương cung cấp kịp thời	A2	1
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc cập nhật thông tin chính sách ban hành kịp thời trên cổng thông tin điện tử của địa phương	A3	1
1.4	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về thiết kế giao diện cũng như tốc độ đường truyền của cổng thông tin điện tử của đơn vị được đánh giá	A4	1
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cổng thông tin điện tử có đầy đủ các tính năng trong việc xử lý các thủ tục hành chính và hỗ trợ doanh nghiệp (nộp hồ sơ, theo dõi quá trình xử lý, chuyên mục giải đáp thắc mắc,...)	A5	1
1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến	A6	1
1.7	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến là đơn giản và dễ dàng hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A7.1	1
1.8	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A7.2	
1.9	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A7.3	

2	Chi phí không chính thức	B1-B4	4
2.1	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chỉ có những doanh nghiệp có “quan hệ” hoặc chi “hoa hồng” cho cán bộ của chính quyền địa phương mới có thể thắng thầu	B1.1	1
2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng doanh nghiệp cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong giải quyết thủ tục hành chính tại địa phương	B1.2	
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá có hiện tượng cán bộ gây khó khăn để trục lợi khi làm thủ tục hành chính	B1.3	
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức là đương nhiên tại chính quyền địa phương	B1.4	
2.5	Mức độ phổ biến của các chi phí không chính thức chia theo chức năng nhiệm vụ của địa phương	B2	1
2.6	Xu thế về mức độ chi phí không chính thức phải trả trong năm vừa qua	B3	1
2.7	Mức độ phổ biến của các chi phí không chính thức ở các địa phương	B4	1
3	Chi phí thời gian	C1 – C6	6
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy trình và thủ tục hành chính được trình bày, hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện	C1	1
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đúng hoặc nhanh hơn quy định pháp luật hiện hành	C2, C3	2
3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp dễ dàng được cán bộ tại Bộ phận một cửa hướng dẫn trình tự và quy trình thủ tục hành chính khi có nhu cầu	C4	1
3.4	Tần suất doanh nghiệp nhận được thông báo về các lần thanh kiểm tra đúng theo quy định	C5	1
3.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ ảnh hưởng của công tác thanh kiểm tra của địa phương đối với thời gian của doanh nghiệp	C6	1
4	Cạnh tranh bình đẳng	D1 – D3	3
4.1	Tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh chính quyền địa phương ưu ái các doanh nghiệp FDI hơn các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân trong nước	D1	1
4.2	Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sân sau và doanh nghiệp thân hữu của chính quyền địa phương	D2	1

4.3	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng hoạt động đối thoại doanh nghiệp chủ yếu tập hợp doanh nghiệp lớn	D3.1	1
4.4	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định chính quyền địa phương ưu tiên thu hút đầu tư cho các doanh nghiệp lớn hơn là đầu tư phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa (hoặc ưu tiên cho doanh nghiệp FDI hơn doanh nghiệp và nhà đầu tư trong nước)	D3.2	1
4.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc chính quyền địa phương dành ưu tiên giải quyết các vấn đề, thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp lớn hơn doanh nghiệp nhỏ và vừa (hoặc ưu tiên cho doanh nghiệp FDI hơn doanh nghiệp và nhà đầu tư trong nước)	D3.3	
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	E1-E3	3
5.1	Mức độ doanh nghiệp được tham gia/hưởng các chương trình hỗ trợ và đối thoại doanh nghiệp của chính quyền địa phương	E1	1
5.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình và hoạt động đối thoại của chính quyền địa phương là thực chất	E1	
5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của chính quyền địa phương đã có cải thiện nhiều trong năm vừa qua	E2	1
5.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp	E3	1
6	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	F1-F9	9
6.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định bảo vệ môi trường còn phổ biến trên địa bàn	F1	1
6.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương kiên quyết xử lý các vụ lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép, vi phạm quy định bảo vệ môi trường	F2, F3	2
6.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phải bỏ chi phí để thuê các dịch vụ bảo vệ, an ninh cho hoạt động sản xuất kinh doanh nhiều hơn mức kỳ vọng	F4	1
6.4	Đánh giá mức độ công tâm phân xử của địa phương đối với doanh nghiệp khi phân xử trong trường hợp có tranh chấp	F5, F6	2
6.5	Mức độ phổ biến của các vấn đề an ninh trật tự tại các địa phương	F7	1
6.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hiện tượng trộm cắp, đột nhập trái phép trên địa bàn	F8.1	1
6.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương kiên quyết xử lý tình trạng trộm cắp, đột nhập trái phép tại địa	F8.2	

	phương		
6.8	Xu thế về mức độ các vấn đề an ninh trật tự xảy ra trong năm vừa qua tại Quận/Huyện được đánh giá	F9	1
7	Tính năng động, đổi mới sáng tạo và hiệu quả hoạt động của đơn vị	G1 – G7	7
7.1	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với sự chủ động trong việc giải quyết các thủ tục hành chính	G1	1
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định môi trường đầu tư và kinh doanh của địa phương đã có cải thiện đáng kể	G2	1
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp hài lòng về sự chủ động của địa phương được đánh giá trong việc nắm bắt và xử lý những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp cũng như tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp	G3	1
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương sáng tạo, quyết liệt triển khai chủ trương quyết định của UBND tỉnh	G4	1
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lãnh đạo chính quyền địa phương quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	G5	1
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lãnh đạo chính quyền địa phương trực tiếp tham gia đối thoại với doanh nghiệp trong các chương trình đối thoại do sở, ban ngành và hoặc các cơ quan khác của tỉnh tổ chức	G6	1
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định lãnh đạo chính quyền địa phương sát sao trong chỉ đạo, điều hành công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp	G7	1
8	Chỉ số Xanh	H1 – H6	6
8.1	Mức độ ô nhiễm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	H1	1
8.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương có chính sách và hành động (phòng ngừa, thanh tra, khắc phục, xử phạt v.v...) nhằm đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường tối thiểu	H2, H3	2
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương đề cao việc thúc đẩy doanh nghiệp thực hành “xanh”, sạch, và bền vững	H4	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương đã có triển khai các chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp thực hành “xanh” trong hoạt động kinh doanh	H5	1

8.5	Xu hướng của các doanh nghiệp trong việc gây ô nhiễm môi trường	H6	1
9	Chỉ số Sức khỏe và Môi trường sống	I1 – I4	4
9.1	Tỷ lệ hài lòng của doanh nghiệp đối với chất lượng môi trường sống	I1	1
9.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hạ tầng chăm sóc sức khỏe đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và người dân tại địa phương	I2	1
9.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hạ tầng vệ sinh cơ bản đáp ứng được nhu cầu của khu vực doanh nghiệp đang hoạt động	I3	1
9.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và người dân tại địa phương	I4	1
10	Khả năng tiếp cận đất đai và ổn định trong sử dụng đất	J1 - J6	6
10.1	Mức độ dễ dàng trong việc tìm kiếm và tiếp cận mặt bằng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất để sản xuất kinh doanh tại địa phương	J1, J2	2
10.2	Mức độ doanh nghiệp đánh giá tích cực tiến độ và chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai tại địa phương	J3	1
10.3	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp trong việc bồi thường mặt bằng kinh doanh của chính quyền địa phương nếu bị thu hồi để phục vụ mục đích công	J4	1
10.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chính quyền địa phương chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc tại địa phương	J5	1
10.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc đầu tư (thuê/mua) mặt bằng kinh doanh thuận tiện tại địa phương	J6	1

BỘ CHỈ SỐ DDCI KHỐI SỞ, BAN NGÀNH 2024

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Câu hỏi tương ứng	Số lượng câu hỏi
1	Tiếp cận minh bạch thông tin và chuyển đổi số	A1-A7	7
1.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tính công khai và mức độ thuận lợi khi tiếp cận thông tin liên quan thủ tục hành chính và các công tác của sở, ban ngành	A1	1
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá nhận được thông tin, văn bản mà doanh nghiệp cần khi yêu cầu sở, ban ngành cung cấp kịp thời	A2	1
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc cập nhật thông tin chính sách ban hành kịp thời trên cổng thông tin điện tử của sở, ban ngành	A3	1
1.4	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về thiết kế giao diện cũng như tốc độ đường truyền của cổng thông tin điện tử của đơn vị được đánh giá	A4	1
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cổng thông tin điện tử có đầy đủ các tính năng trong việc xử lý các thủ tục hành chính và hỗ trợ doanh nghiệp (nộp hồ sơ, theo dõi quá trình xử lý, chuyên mục giải đáp thắc mắc,...)	A5	1
1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến	A6	1
1.7	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến là đơn giản và dễ dàng hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A7.1	1
1.8	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A7.2	
1.9	Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết thực hiện thủ tục hành chính theo phương thức trực tuyến giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí hơn so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	A7.3	
2	Chi phí không chính thức	B1-B3	3

2.1	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chỉ có những doanh nghiệp có “quan hệ” hoặc chi “hoa hồng” cho cán bộ của sở, ban ngành mới có thể thắng thầu	B1.1	1
2.2	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng doanh nghiệp cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong giải quyết thủ tục hành chính tại sở, ban ngành	B1.2	
2.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá có hiện tượng cán bộ gây khó khăn để trục lợi khi làm thủ tục hành chính	B1.3	
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng chi phí không chính thức là đương nhiên tại sở, ban ngành	B1.4	
2.5	Xu thế về mức độ chi phí không chính thức phải trả trong năm vừa qua	B2	1
2.6	Mức độ phổ biến của các chi phí không chính thức ở các sở, ban ngành	B3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Xây dựng</i>	<i>B4 – B6</i>	<i>3</i>
2.7	Mức độ phản hồi của Sở Xây dựng về kết quả các lần thanh kiểm tra cho doanh nghiệp	B4, B5, B6	3
3	Chi phí thời gian	C1 – C5	5
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá quy trình và thủ tục hành chính được trình bày, hướng dẫn dễ hiểu, dễ thực hiện	C1	1
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo đúng hoặc nhanh hơn quy định pháp luật hiện hành	C2, C3	2
3.3	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận được thông báo về các lần thanh kiểm tra của sở, ban ngành đúng theo quy định	C4	1
3.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ ảnh hưởng của công tác thanh kiểm tra của sở, ban ngành được đánh giá đối với thời gian của doanh nghiệp	C5	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Cục Hải quan tỉnh</i>	<i>C6</i>	<i>1</i>
3.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về tốc độ xử lý quy trình thông quan	C6.1	1
3.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về mức độ đơn giản, dễ hiểu của quy trình thông quan hàng hóa	C6.2	

3.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự ổn định về yêu cầu của quá trình thông quan hàng hóa	C6.3	
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Bảo hiểm xã hội tỉnh</i>	<i>C6</i>	<i>1</i>
3.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Bảo hiểm xã hội nỗ lực hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp trong việc đơn giản hóa quy trình liên quan tới công tác kê khai/yêu cầu thanh toán các chế độ của Bảo hiểm xã hội	C6	1
4	Cạnh tranh bình đẳng	D1 – D2	2
4.1	Mức độ hiện diện của doanh nghiệp sâu sau và doanh nghiệp thân hữu của sở, ban ngành	D1	1
4.2	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định sở, ban ngành dành ưu tiên giải quyết các vấn đề, thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp lớn hơn doanh nghiệp nhỏ và vừa	D2.1	1
4.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc sở, ban ngành dành ưu tiên giải quyết các vấn đề, thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp FDI hơn doanh nghiệp và nhà đầu tư trong nước	D2.2	
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	E1-E4	4
5.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chương trình hỗ trợ doanh nghiệp và hoạt động đối thoại của sở, ban ngành là thực chất	E1	1
5.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của sở, ban ngành đã có cải thiện nhiều trong năm vừa qua	E2	1
5.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban ngành đã triển khai thành công ít nhất một giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp	E3	1
5.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao sự hỗ trợ của đơn vị được đánh giá trong việc đưa ra các chính sách thúc đẩy phát triển bền vững và thân thiện với môi trường	E4	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Cục Thuế tỉnh</i>	<i>E5</i>	<i>1</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tổng thời gian doanh nghiệp/hợp tác xã dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính liên quan đến thuế nhanh gọn và hiệu quả	E5.1	1
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao sự hướng dẫn của cơ quan khi yêu cầu doanh nghiệp phải làm việc với nhiều cơ quan khác để bổ sung hoàn tất hồ sơ	E5.2	

	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Tài nguyên và Môi trường</i>	<i>E5 – E6</i>	<i>2</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định	E5	1
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai	E6	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</i>	<i>E5-E7</i>	<i>3</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá giáo dục, dạy nghề tại tỉnh có chất lượng tốt	E5	1
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lao động tại tỉnh đáp ứng hoàn toàn/phần lớn nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp	E6	1
5.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức tăng năng suất lao động so với chi phí lao động là phù hợp và tỷ lệ thuận	E7	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giao thông Vận tải</i>	<i>E5 – E6</i>	<i>2</i>
5.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng cơ sở hạ tầng và các công trình giao thông	E5	1
5.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá khả năng kết nối và tiếp cận của giao thông vận tải	E6	1
6	<i>Thiết chế pháp lý</i>	<i>F1 - F4</i>	<i>4</i>
6.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của sở, ban ngành do cấp tỉnh ban hành kịp thời so với nhu cầu của thực tiễn	F1	1
6.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban ngành thực thi văn bản pháp luật nhất quán giữa các loại hình doanh nghiệp	F2	1
6.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban ngành thực thi văn bản pháp luật nghiêm minh, theo đúng quy định, quy trình.	F3	1
6.4	Tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng việc phản ánh lên cấp trên sẽ được giải quyết đúng nêu gặp cán bộ của sở, ban ngành làm trái với các quy định của pháp luật hoặc cố tình gây khó khăn cho doanh nghiệp	F4	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Tài nguyên và Môi trường</i>	<i>F5</i>	<i>1</i>

6.5	Hướng dẫn giải quyết thủ tục hành chính của cán bộ nhận hồ sơ liên quan cấp chứng nhận quyền sử dụng đất	F5	
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Cục Thuế tỉnh</i>	<i>F5</i>	<i>1</i>
6.5	Thời gian doanh nghiệp/hợp tác xã bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục cần thiết để chính thức hoạt động (từ khi chính thức tìm hiểu thủ tục đến khi nhận được kết quả cuối cùng)	F5	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Công an tỉnh</i>	<i>F5 – F7</i>	<i>3</i>
6.5	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về tình hình an ninh trật tự tại các địa bàn hoạt động ở tỉnh	F5	1
6.6	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Công an tỉnh giải quyết có hiệu quả các trường hợp gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại các địa bàn hoạt động ở tỉnh	F6	1
6.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hỗ trợ pháp lý của Công an tỉnh khi có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm	F7	1
7	Tính năng động, đổi mới sáng tạo và hiệu quả hoạt động của đơn vị	G1 – G6	6
7.1	Mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với sự chủ động của sở, ban ngành trong việc giải quyết các thủ tục hành chính	G1	1
7.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định sở, ban ngành đã đóng góp tích cực vào việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh chung	G2	1
7.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban ngành sáng tạo, mạnh dạn triển khai chủ trương/quyết định của UBND tỉnh	G3	1
7.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lãnh đạo sở, ban ngành quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của công chức và hệ thống chính quyền	G4	1
7.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá lãnh đạo sở, ban ngành trực tiếp tham gia đối thoại với doanh nghiệp trong các chương trình đối thoại do sở, ban ngành và hoặc các cơ quan khác của tỉnh tổ chức	G5	1
7.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định lãnh đạo sở, ban ngành sát sao trong chỉ đạo, điều hành công tác hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, kiến nghị của doanh nghiệp	G6	1

	<i>Chỉ tiêu đặc thù Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Đồng Nai</i>	<i>G7 – G10</i>	<i>4</i>
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về mức độ triển khai các chính sách thúc đẩy tín dụng của Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Đồng Nai	G7	1
7.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về tính chủ động của Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Đồng Nai trong việc thúc đẩy các ngân hàng thương mại triển khai các dịch vụ tài chính hỗ trợ doanh nghiệp	G8	1
7.9	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về việc Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Đồng Nai có chỉ đạo các tổ chức tín dụng rà soát đơn giản hóa thủ tục cho vay	G9	1
7.10	Xu hướng hướng tín dụng vào các lĩnh vực Chính phủ chủ trương tăng trưởng	G10	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Cục Thuế tỉnh</i>	<i>G7</i>	<i>1</i>
7.7	Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc doanh nghiệp/hợp tác xã	G7	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>G7 – G8</i>	<i>2</i>
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Giáo dục và Đào tạo chủ động, nỗ lực trong việc đảm bảo cơ hội phát triển chuyên môn cho đội ngũ giáo viên/nhân viên khối mầm non, nhằm mục tiêu cải thiện chất lượng giáo dục mầm non	G7	1
7.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Giáo dục và Đào tạo có chính sách hỗ trợ nguồn cung giáo viên có trình độ, bao gồm cả thông qua hợp tác quốc tế	G8	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Khoa học và Công nghệ</i>	<i>G7 – G8</i>	<i>2</i>
7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Khoa học và Công nghệ có sự nỗ lực trong việc khuyến khích tạo ra và sử dụng tài sản trí tuệ cho doanh nghiệp	G7	1
7.8	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Khoa học và Công nghệ có sự nỗ lực trong việc thúc đẩy phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ	G8	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Y tế</i>	<i>G7</i>	<i>1</i>

7.7	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Y tế có sự nỗ lực trong việc thúc đẩy sự tiếp cận của toàn dân đối với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe thiết yếu chất lượng và ở mức giá hợp lý	G7	1
8	Chỉ số Xanh	H1 – H2	2
8.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban ngành có chính sách và hành động nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường	H1	1
8.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban ngành đã có triển khai các chính sách và dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp thực hành “xanh” trong hoạt động kinh doanh	H2	1
	Chỉ tiêu đặc thù Sở Tài nguyên và Môi trường	H3	1
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Tài nguyên và Môi trường tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong việc hỗ trợ đưa ra phương án và thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường (bao gồm đất đai, nước, không khí,...)	H3.1	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao hỗ trợ từ Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc đưa ra các phương án và cải thiện quy trình xử lý chất thải và nước	H3.2	
8.5	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Sở Tài nguyên và Môi trường tích cực hỗ trợ doanh nghiệp trong việc cấp phép sử dụng đất theo quy hoạch cho các dự án “xanh” như điện mặt trời, xử lý nước thải, rác thải,...	H3.3	
	Chỉ tiêu đặc thù Cục Thuế tỉnh	H3	1
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao hỗ trợ của Cục Thuế tỉnh trong việc ưu đãi thuế đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực “xanh”	H3	1
	Chỉ tiêu đặc thù Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Đồng Nai	H3-H4	2
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao hỗ trợ của Ngân hàng nhà nước Chi nhánh Đồng Nai trong việc đưa ra chính sách thúc đẩy nguồn vốn đầu tư vào các dự án phát triển bền vững, thân thiện với môi trường	H3	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Đồng Nai tích cực triển khai, thúc đẩy các tổ chức tín dụng trên địa bàn phát triển các hoạt động ngân hàng số, ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật để xanh hóa hoạt động ngân hàng; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.	H4	1

	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Xây dựng</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cao hỗ trợ của Sở Xây dựng trong việc cấp phép đối với các dự án “xanh”	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Các chương trình đào tạo, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường (tiết kiệm điện, nước, giảm rác thải,...)	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Y tế</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ và thúc đẩy của Sở Y tế trong việc khuyến khích doanh nghiệp sản xuất, mua bán và tái chế thiết bị trong ngành y tế theo các tiêu chuẩn thân thiện môi trường	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giao thông Vận tải</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các chương trình/dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi xanh trong lĩnh vực giao thông vận tải (sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch)	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Công thương</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ của Sở Công thương trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh theo hướng thân thiện môi trường	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Tài chính</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ của Sở Tài chính trong công tác giải ngân, cho vay, hỗ trợ lãi suất,... đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, dự án đầu tư có yếu tố bảo vệ môi trường	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Kế hoạch và Đầu tư</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ của Sở Kế hoạch và Đầu tư cho công tác cấp phép đầu tư, đăng ký hoạt động với các doanh nghiệp trong lĩnh vực kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, dự án đầu tư có yếu tố bảo vệ môi trường	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Lao động – Thương binh và Xã hội</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về việc truyền thông và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường (tiết kiệm điện, nước, giảm rác	H3	1

	thải,...) trong giáo dục, dạy nghề		
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Khoa học và Công nghệ</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ trong việc thúc đẩy các doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo hướng tới môi trường xanh bền vững	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Cục Hải quan tỉnh</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự hỗ trợ của Cục Hải quan cho việc thông quan các mặt hàng phục vụ cho các doanh nghiệp trong hoạt động lĩnh vực xanh	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Công an tỉnh</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về sự nỗ lực của Công an tỉnh trong việc phối hợp với các sở, ban ngành khác để hướng dẫn doanh nghiệp bảo đảm tính tuân thủ và xử lý vi phạm các luật lệ về bảo vệ môi trường.	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ hỗ trợ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển các dự án nông nghiệp sạch, nông nghiệp xanh	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Ban Quản lý khu công nghiệp</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Ban Quản lý khu công nghiệp trong việc quản lý và hỗ trợ các doanh nghiệp trong thực hành bảo vệ môi trường	H3.1	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Ban Quản lý khu công nghiệp tích cực hỗ trợ pháp lý/đơn giản hóa quy trình thủ tục cho doanh nghiệp có yếu tố bảo vệ môi trường được đăng ký hoạt động trong khu công nghiệp	H3.2	
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Thông tin và Truyền thông</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá về hiệu quả của các chiến dịch truyền thông cấp tỉnh về bảo vệ môi trường và tăng trưởng bền vững của Sở Thông tin và Truyền thông	H3	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>

8.3	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tính chủ động của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong thúc đẩy quảng bá văn hóa sống “xanh”, lối sống “xanh” cho cộng đồng dân cư và doanh nghiệp	H3.1	1
8.4	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ tích cực của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trong việc thúc đẩy các loại hình du lịch theo hướng thân thiện môi trường	H3.2	
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Tư pháp</i>	<i>H3</i>	<i>1</i>
	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tính chủ động của Sở Tư pháp trong việc hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận với các văn bản/quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh	H3	1
9	Chỉ số Sức khỏe và Môi trường sống		
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Y tế</i>	<i>I1, I2</i>	<i>1</i>
9.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cơ sở hạ tầng chăm sóc sức khỏe tại nơi doanh nghiệp hoạt động đáp ứng được nhu cầu của doanh nghiệp và người dân	I1	1
9.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cơ sở hạ tầng y tế tại nơi doanh nghiệp hoạt động đáp ứng về nhu cầu của doanh nghiệp	I2	1
	<i>Chỉ tiêu đặc thù Sở Giáo dục và Đào tạo</i>	<i>I1, I2</i>	<i>2</i>
9.1	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hệ thống mầm non tại tỉnh có chất lượng tốt	I1	1
9.2	Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng giáo dục tiểu học đến trung học phổ thông tại địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động	I2	1